

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2022

V/v: "Ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Cao Sơn

Ông Nguyễn Duy Cừ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thảo L, sinh năm 1992

Địa chỉ: CT 12B K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội (đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khối phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 1, Trại giam Xuân Hà, tỉnh Hà Tĩnh (đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thảo L trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Đình T ngày 01 tháng 3 năm 2021, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thạch Quý, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, tình cảm vợ chồng bình thường được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 5/2021 vợ chồng sống ly thân, đến tháng 10/2021 chị L biết anh T đi chấp hành án 24 tháng tù về tội "Đánh bạc" tại phân trại

số 1, Trại giam Xuân Hà. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc, đường sá xa xôi đi lại khó khăn và do tình hình dịch bệnh Covid 19 đang diễn biến phức tạp nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Tại bản tự khai hồi 10 giờ 00 phút ngày 23/3/2022 tại phân trại số 1, Trại giam Xuân Hà, bị đơn anh Trần Đình T trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị L trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là sau khi anh đi chấp hành án phạt tù. Anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, anh mong muốn Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang chấp hành án tại phân trại số 1, Trại giam Xuân Hà, Hà Tĩnh nên anh T đề nghị xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70; 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ vợ chồng: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thảo L.

Về con chung: Chị Trần Thảo L và anh Trần Đình T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc nguyên đơn chị Trần Thảo L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thảo L khởi kiện xin ly hôn với Anh Trần Đình T (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khố phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh), Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết, nguyên đơn có đơn đề nghị không tổ chức công khai chứng cứ, hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 207; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thảo L và bị đơn anh Trần Đình T.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Trần Thảo L và anh Trần Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thạch Quý, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, không tôn trọng lẫn nhau, hai người đã sống ly thân từ tháng 05/2021 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống chung giữa vợ chồng chị L và anh T không còn tồn tại, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Trần Thảo L ly hôn với anh Trần Đình T theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T đều trình bày, vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Nguyên đơn chị Trần Thảo L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57; Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thảo L được ly hôn anh Trần Đình T.

2. Về án phí: Chị Trần Thảo L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001067 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSNDTPHT;
- TAND tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- UBND phường Thạch Quý;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Minh Thư